TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76 /2023/DS-PT

Ngày 23 - 02 - 2023

V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- TH phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình.

Ông Võ Ngọc Giàu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2022/TLPT-DS ngày 11/11/2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 185/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Toà án nhân dân TH phố MT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 387/2022/QĐ-PT ngày 28/11/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 4, AB, phường 4, TH phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn gồm:

1/ Chị Lê Thị BT, sinh năm 1998 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 389D Ấp 3, xã Nhơn T, TH phố Bến T, tỉnh Bến T.

2/ Chị Dương Mỹ L, sinh năm 1988 (Theo Giấy uỷ quyền ngày 28/7/2022) (có mặt);

Địa chỉ: Số 79, ấp Hội G, xã Mỹ P, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Anh Trần Văn S, sinh năm 1973;

HKTT: Số 01, Trần Quốc TO, Phường 4, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Số 212 Quốc lộ 50, Ấp 3B, xã Đạo T, Tp. MT, Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn anh Trần Văn S: Anh Đặng Văn TH – sinh năm: 1994 (Theo Giấy uỷ quyền ngày 24/8/2022) (có mặt);

Địa chỉ: Tầng 6 nhà 74/116 Nhân H, phường Nhân C, quận Thanh X, Hà Nội.

2. Công ty TNHH Sản xuất chế biến nông sản CT.

Trụ sở: Số 212, Quốc lộ 50 Ấp 3B, xã Đạo T, TP.MT, Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn S1 – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Trần Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, chị Dương Mỹ L và chị Lê Thị BT - đại diện uỷ quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T cùng trình bày:

Ngày 04/01/2021, anh Nguyễn Văn T có cho anh Trần Văn S và Công ty TNHH Sản xuất chế biến nông sản CT (gọi tắt Công ty CT) vay 05 tỷ đồng, vay không có lãi, thời hạn vay đến ngày 15/01/2021. Anh T giao một lần 05 tỷ đồng cho anh Trần Văn S tại Công ty CT vào ngày 04/01/2021. Khi giao tiền anh Trần Văn S yêu cầu thư ký của anh Trần Văn S viết nội dung biên nhận, anh Trần Văn S ký tên, ghi họ tên; đồng thời anh Trần Văn S sử dụng con dấu của Công ty CT đóng mộc vào biên nhận. Việc vay mượn tiền, anh T chỉ thỏa thuận với anh Trần Văn S.

Đến ngày 15/01/2021, anh Trần Văn S không trả lại số vốn đã mượn của anh T nên anh Trần Văn S đã đề nghị với anh T cho anh Trần Văn S gia hạn đến 03 tháng sau, mỗi tháng anh Trần Văn S sẽ trả 04% tiền lãi cho anh T, đề nghị của anh Trần Văn S không được anh T đồng ý, anh T đã nhiều lần yêu cầu anh S trả tiền nhưng anh S không có khả năng thực hiện. Từ ngày 15/01/2021 đến nay, anh Trần Văn S có trả lãi cho anh T với tổng số tiền là 320.000.000 đồng theo các hóa đơn chứng từ mà anh Trần Văn S cung cấp cho Tòa án.

Nay anh T yêu cầu anh Trần Văn S và Công ty Cát T liên đới trả cho anh T số tiền vốn là 05 tỷ đồng, cộng với tiền lãi theo lãi suất 1.66%/tháng tính từ ngày 04/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày khởi kiện là 1.494.000.000 đồng, anh T đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận là 320.000.000 đồng mà anh S và Công ty đã trả là 1.494.000.000 đồng – 320.000.000 đồng = 1.174.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 5.000.000.000 đồng + 1.174.000.000 đồng = 6.174.000.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Anh Đặng Văn TH - đại diện theo ủy quyền bị đơn anh Trần Văn S trình bày:

Anh Trần Văn S xác định ngày 04/01/2021, anh Trần Văn S có vay của anh T 05 tỷ đồng, vay không có lãi, thời hạn vay đến ngày 15/01/2021. Về vấn đề số tiền 05 tỷ giao một lần hay nhiều lần, giao tiền cho anh S hay đại diện Công ty thì anh không nắm được.

Đối với nội dung biên nhận, anh Trần Văn S xác định không phải chữ viết của anh S, anh Trần Văn S xác định chữ ký và chữ viết Trần Văn S tại Giấy mượn tiền đề ngày 04/01/2021 là của anh Trần Văn S. Đối với mộc đóng tên của anh Trần Văn S thì anh chưa nắm thông tin có phải mộc của Công ty hay không. Đến ngày 15/01/2021, anh Trần Văn S không có khả năng trả vốn lại cho anh T nên từ sau ngày 16/01/2021 đến nay anh Trần Văn S đã thực hiện việc trả vốn cho anh T theo phương thức trả tiền mặt và chuyển khoản.

Đối với việc trả vốn bằng hình thức trả tiền tiền mặt, anh S trả trực tiếp cho anh T, anh T có viết biên nhận cho anh S, bản chính biên nhận do anh S đang giữ, hiện tại anh S đang tiến hành thu thập lại các bản chính biên nhận mà anh S trả cho anh T. Hiện tại anh S chưa xác định được tổng số tiền vốn mà anh S trả trực tiếp bằng tiền mặt cho anh T với số tiền bao nhiêu. Đối với việc trả vốn bằng hình thức chuyển khoản, anh S phải nhờ nhân viên của Công ty thực hiện việc chuyển khoản để trả vốn gốc cho anh T, hiện anh S vẫn chưa xác định được Ngân hàng thực hiện toàn bộ các giao dịch chuyển khoản và anh S chưa xác định được tổng số tiền mà anh S đã chuyển khoản cho anh T. Anh S xác định tổng số tiền vốn gốc mà anh S đã trả cho anh T là 3.100.000.000 đồng, hiện tại chỉ còn nợ lại 1.900.000.000 đồng. Anh S xác định chỉ cá nhân anh S vay tiền của anh T, không liên quan đến Công ty.

Nay anh Trần Văn S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả 05 tỷ đồng, nay ông Trần Văn S chỉ đồng ý trả cho anh T 1.900.000.000 đồng tiền gốc. Nếu nguyên đơn đồng ý anh S còn nợ anh T 1.900.000.000 đồng thì anh S sẽ trả cho anh T 1.900.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

* Đại diện Công ty TNHH Sản xuất chế biến nông sản CT trình bày:

Công ty CT hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T vì đây là khoản vay cá nhân của ông Trần Văn S với ông Nguyễn Văn T, không liên quan đến Công ty CT. Công ty CT đề nghị Toà án xác định lại tư cách tham gia tố tụng của Công ty CT, không đưa Công ty CT vào tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Anh T đồng ý cấn trừ số tiền 320.000.000 đồng đã nhận vào số tiền vốn. Anh T yêu cầu anh Trần Văn S trả cho anh T số tiền vốn là 5.000.000.000 đồng – 320.000.000 đồng = 4.680.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 16/01/2021 cho đến ngày xét xử với số tiền làm tròn là 793.000.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 5.473.000.0000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Anh TH – đại diện theo ủy quyền của anh Trần Văn S trình bày: Biên nhận hai bên xác lập là mượn tiền chứ không phải vay tiền. Anh Trần Văn S đã trả cho anh T tổng số tiền là 3.100.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại anh T 1.900.000.000

đồng. Tại Điều 494 Bộ luật Dân sự đã quy định quyền cho mượn tài sản, tài sản bao gồm vật tiền và giấy tờ có giá nên không thể cho rằng mượn tiền là vay tài sản, do đó đề nghị Toà án xác định quan hệ pháp luật là mượn tài sản, cho nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là không có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 185/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Toà án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với anh Trần Văn S.

Buộc anh Trần Văn S có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền vốn là 4.680.000.000 đồng và tiền lãi là 793.000.000 đồng, tổng cộng là 5.473.000.000 đồng (Năm tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Anh Trần Văn S phải chịu 113.473.000 đồng (Một trăm mười ba triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.090.000 đồng (Năm mươi bảy triệu không trăm chín mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0022532 ngày 04/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 06/10/2022, bị đơn anh Trần Văn S có đơn kháng cáo yêu cầu: hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định của pháp luật; với lý do: Tòa sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như: không cho bị đơn sao chụp hồ sơ tài liệu, xét xử vắng mặt luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, quyết định của bản án sơ thẩm không đúng với thực tế khách quan.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Anh Đặng Văn TH – đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Trần Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh TH trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm vi

phạm nghiêm trọng tố tụng, không đảm bảo quyền được sao chụp tài liệu chứng cứ của đương sự, không đảm bảo việc có mặt của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn, xác định sai quan hệ tranh chấp. Anh S đã trả cho anh T số tiền 3.100.000.000 đồng, chỉ còn nợ 1.900.000.000 đồng, cho nên anh S chỉ đồng ý trả cho anh T 1.900.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh S.

- Chị Dương Mỹ L – đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của anh S, anh T không yêu cầu gì đối với Công ty TNHH Sản xuất chế biến nông sản CT, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Anh S kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh. Do đó, yêu cầu kháng cáo của anh S là không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của bị đơn Công ty TNHH Sản xuất chế biến nông sản CT vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đại diện Công ty TNHH Sản xuất chế biến nông sản CT.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn S; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về tố tụng:

[2.1.1] Đối với kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng không cho bị đơn sao chụp tài liệu, chứng cứ:

Ngày 15/9/2022 anh TH – đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Trần Văn S có đơn đề nghị sao chụp hồ sơ, gửi Tòa án nhân dân thành phố MT. Anh TH cho rằng anh không nhận được bất kỳ cuộc gọi, tin nhắn nào của Tòa án nhân dân thành phố MT để chứng tỏ Thẩm phán Cao Thị Thu Thủy chấp nhận cho anh được sao chụp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ (Bút lục 94), cho nên Tòa án sơ thẩm đã vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bị đơn.

Xét thấy: Ngày 16/9/2022 Thẩm phán Cao Thị Thu Thủy đã xác nhận vào đơn đề nghị sao chụp hồ sơ đề ngày 15/9/2022 của anh TH rằng: cho anh TH được sao chụp tài liệu theo quy định tại khoản 8 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự (Bút lục 74). Tại phiên tòa phúc thẩm, anh TH – đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Trần Văn S xác nhận: anh là đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh S tham gia suốt quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết; anh có tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã công bố các tài liệu chứng cứ, anh TH không có ý kiến gì (Bút lục 46, 47, 59, 60). Chị L - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định: các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đều có photo gửi cho anh TH nhận và có yêu cầu Tòa án hỗ trợ việc gửi các tài liệu, chứng cứ cho bị đơn.

Theo Điều 17 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: "*Đương sự chỉ được yêu cầu ghi chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án trước khi Tòa án mở phiên toà xét xử vụ án….Trên cơ sở đề nghị của đương sự, Tòa án tạo điều kiện cho họ được ghi chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ mà họ có yêu cầu….Tòa án cung cấp cho đương sự những tài liệu, chứng cứ cần ghi chép, sao chụp theo yêu cầu của họ, để họ thực hiện việc ghi chép, sao chụp bằng máy ảnh hoặc phương tiện kỹ thuật khác của họ….Việc ghi chép, sao chụp phải được thực hiện tại trụ sở của Tòa án dưới sự giám sát của cán bộ Tòa án…*". Xét thấy: Anh TH có đề nghị được sao chụp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có nghĩa vụ liên hệ trực tiếp Tòa án để được sao chụp tài liệu, chứng cứ; nhưng từ ngày 15/9/2022 đến tại phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ hai vào ngày 29/9/2022 anh TH không liên hệ Tòa án cấp sơ thẩm mà lại cho rằng do Tòa án cấp sơ thẩm không gọi điện thoại hay nhắn tin cho anh, là không phù hợp quy định pháp luật. Anh TH không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh Tòa án cấp sơ thẩm không tạo điều kiện cho anh được sao chụp tài liệu chứng cứ. Do đó, việc anh TH cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không cho anh được thực hiện quyền sao chụp tài liệu có trong hồ sơ là không có cơ sở.

[2.1.2] Đối với kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng khi xét xử vắng mặt Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn:

Ngày 12/9/2022 Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ngày mở phiên tòa sơ thẩm là ngày 21/9/2022. Ngày 17/9/2022 anh Đặng Văn TH – đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Trần Văn S có đơn xin hoãn phiên tòa và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/9/2022 bị đơn anh S và anh TH – đại diện theo ủy quyền của anh S vắng mặt, cho nên Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày 29/9/2022. Ngày 29/9/2022 anh TH – đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Trần Văn S mới nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm Đơn mời luật sư, Giấy giới thiệu của Văn phòng luật sư Phạm Hải, thẻ luật sư của luật sư Phạm Duy Bình, Đơn xin sao chụp hồ sơ vụ án của

luật sư Phạm Duy Bình đề ngày 29/9/2022 và Đơn xin hoãn phiên tòa của luật sư Phạm Duy Bình đề ngày 29/9/2022 (Bút lục 89).

Xét thấy: Theo Điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự quy định thì luật sư Phạm Duy Bình khi đề nghị Tòa án làm thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thì phải xuất trình các giấy tờ theo quy định; sau khi kiểm tra giấy tờ và thấy người đề nghị có đủ điều kiện làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị Tòa án phải vào sổ đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và xác nhận vào giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Ngày 29/9/2022 là ngày Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ hai thì anh TH – đại diện theo ủy quyền của anh S là người nộp cho Tòa án các tài liệu, giấy tờ đề nghị Tòa án làm thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự của luật sư Bình, không phải do luật sư Bình trực tiếp nộp. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh TH xác định: Giấy giới thiệu của Văn phòng luật sư Phạm Hải, thẻ luật sư của luật sư Phạm Duy Bình, Đơn xin sao chụp hồ sơ vụ án của luật sư Phạm Duy Bình đề ngày 29/9/2022 và Đơn xin hoãn phiên tòa của luật sư Phạm Duy Bình đề ngày 29/9/2022, là do anh nộp thay cho luật sư Bình, do anh và luật sư Bình làm việc chung Văn phòng luật sư Phạm Hải, việc nộp thay này không có sự ủy quyền của luật sư Bình; anh TH xác định tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/9/2022 luật sư Bình không có mặt tại phiên tòa; đồng thời anh TH cho rằng luật sư Bình chỉ vắng mặt lần thứ nhất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng khoản 3 Điều 228, điểm đ khoản 2 Điều 227 để xét xử vắng mặt luật sư Bình là không đúng.

Xét thấy: Theo khoản 4 Điều 18 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: "*Tại phiên toà đương sự mới nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, thì Hội đồng xét xử chấp nhận, nếu người được đương sự nhờ làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đáp ứng các điều kiện được hướng dẫn tại khoản 1 Điều này và việc chấp nhận đó không gây cản trở cho Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đương sự hoãn phiên toà để đương sự nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự*". Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/9/2022, anh TH có yêu cầu Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để đảm bảo luật sư Bình nghiên cứu hồ sơ. Mặc dù anh TH đã nộp đầy đủ các tài liệu, giấy tờ làm thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư Bình cho Hội đồng xét xử sơ thẩm nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/9/2022 luật sư Bình không có mặt, mà có đơn xin hoãn với lý do chưa có điều kiện sao chụp hồ sơ, tài liệu vụ án để nghiên cứu. Việc Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận việc đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự của luật sư Bình là chưa phù hợp với khoản 4 Điều 18 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao, là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt luật sư Phạm Duy Bình cũng không làm thay đổi bản chất của sự việc.

[2.1.3] Về xác định quan hệ tranh chấp:

Anh Đặng Văn TH - đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Trần Văn S cho rằng: căn cứ vào Giấy mượn tiền đề ngày 04/01/2021 thì Tòa án cần xác định đây là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng cho mượn tài sản" vì theo quy định của pháp luật thì tiền cũng là tài sản; cho nên anh S không có nghĩa vụ phải trả tiền lãi chậm trả cho anh T.

Xét thấy: Bị đơn anh Trần Văn S thừa nhận anh và anh T thỏa thuận vay không lãi (Bút lục 21). Tại Điều 494 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Hợp đồng mượn tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho mượn giao tài sản cho bên mượn để sử dụng trong một thời hạn mà không phải trả tiền, bên mượn phải trả lại tài sản đó khi hết thời hạn mượn hoặc mục đích mượn đã đạt được"; tại Điều 495 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Tất cả những tài sản không tiêu hao đều có thể là đối tượng của hợp đồng mượn tài sản" và tại Điều 112 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Vật tiêu hao là vật khi đã qua một lần sử dụng thì mất đi hoặc không giữ được tính chất, hình dáng và tính năng sử dụng ban đầu. Vật tiêu hao không thể là đối tượng của hợp đồng cho thuê hoặc hợp đồng cho mượn. Vật không tiêu hao là vật khi đã qua sử dụng nhiều lần mà cơ bản vẫn giữ được tính chất, hình dáng và tính năng sử dụng ban đầu". Như vậy, đối với hợp đồng mượn tài sản thì khi trả lại tài sản phải trả lại tài sản như đã mượn, không tự ý thay đổi tình trạng của tài sản. Tuy nhiên, tài sản tranh chấp ở đây là tiền, anh TH – đại diện theo ủy quyền của anh S và anh S không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh khi anh S trả tài sản là tiền đã mượn cho anh T đúng hiện trạng như đã mượn gồm hình dáng, số lượng tờ tiền, số seri tiền…v..v…như khi anh T giao. Hơn nữa, anh S cũng xác định là thỏa thuận vay tiền không có lãi, chứ không xác định mượn tiền như anh TH trình bày. Cho nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Về nghĩa vụ trả tiền:

Bị đơn anh Trần Văn S thừa nhận anh và anh T thỏa thuận vay không lãi (Bút lục 21). Anh Đặng Văn TH – đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh S cũng xác định ngày 04/01/2021 anh S có vay tiền của anh Nguyễn Văn T số tiền 5.000.000.000 đồng, vay không có lãi, thời hạn vay đến ngày 15/01/2021, chữ ký và chữ viết Trần Văn S tại Giấy mượn tiền đề ngày 04/01/2021 (Bút lục 83) là của anh S (Bút lục 63).

Anh TH – đại diện theo ủy quyền của anh S cho rằng anh S đã trả cho anh T số tiền 3.100.000.000 đồng, chỉ còn nợ số tiền 1.900.000.000 đồng, chứng cứ anh S và anh TH cung cấp cho Tòa án là 09 giấy đề nghị chuyển tiền với tổng số tiền là 320.000.000 đồng, số tiền còn lại thì anh TH cho rằng anh S đang tiến hành thu

thập hoá đơn, chứng từ, chưa cung cấp cho Toà án được. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ thừa nhận anh S đã trả cho anh T số tiền vốn 320.000.000 đồng, do đó nguyên đơn yêu cầu anh S trả cho anh T số tiền vốn 4.680.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh S và anh TH – đại diện theo ủy quyền của anh S cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh đã trả cho anh T số tiền 3.100.000.000 đồng. Cho nên, có cơ sở xác định anh S còn nợ anh T số tiền 4.680.000.000 đồng.

[2.2.2] Về tính lãi: Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh S trả tiền lãi chậm trả theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 16/01/2021 cho đến khi Toà án xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2022) với số tiền làm tròn là: 793.000.000 đồng.

Xét thấy: theo thỏa thuận giữa anh S và anh T tại Giấy mượn tiền đề ngày 04/01/2021 thì đến hạn ngày 15/01/2021 anh S phải trả cho anh T số tiền 5.000.000.000 đồng, nhưng đến thời hạn quy định mà anh S không trả, cho nên đại diện theo ủy quyền của anh T yêu cầu anh S trả tiền lãi trên số tiền chậm trả với mực lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 16/01/2021 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Anh TH – đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh S cho rằng cách tính lãi của Tòa án cấp sơ thẩm là không có căn cứ, nhưng anh S và anh TH – đại diện theo ủy quyền của anh S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ xác định yêu cầu kháng cáo của anh S là không có cơ sở để chấp nhận. Án sơ thẩm đã xử là có căn cứ, cần thiết giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn S không được chấp nhận nên anh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 185/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Toà án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với anh Trần Văn S.

Buộc anh Trần Văn S có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền vốn là 4.680.000.000 đồng và tiền lãi là 793.000.000 đồng, tổng cộng là 5.473.000.000 đồng (Năm tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Văn S phải chịu 113.473.000 đồng (Một trăm mười ba triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.090.000 đồng (Năm mươi bảy triệu không trăm chín mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0022532 ngày 04/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Trần Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022758 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, xem như đã thực hiện xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- Án tuyên vào lúc 08 giờ 45 phút ngày 23/02/2023 vắng mặt các đương sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Tp.MỹTho;
- CCTHADS Tp.MT;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2023-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Trung